

Email - Encabezamiento e introducción

Húngaro

Kedves John!

Informal, forma estándar de dirigirse a un amigo

Kedves Anya / Apa!

Informal, forma estándar de dirigirse a tus padres

Kedves Jerome bácsi!

Informal, forma estándar de dirigirse a un miembro de tu familia

Szia John!

Informal, forma estándar de dirigirse a un amigo

Szia John!

Muy informal, forma estándar de dirigirse a un amigo

John!

Informal, forma directa de dirigirse a un amigo

Kedvesem / Drágám!

Muy informal, se usa para dirigirse a un ser querido

Drágám / Édesem / Kedvesem!

Muy informal, se usa para dirigirse a la pareja

Drága John!

Informal, se usa para dirigirse a la pareja

Köszönöm az e-mailedet.

Se usa para responder a una correspondencia

Jó volt újra hallani felőled.

Se usa para responder a una correspondencia

Nagyon sajnálom, hogy olyan sokáig nem írtam.

Se usa cuando se escribe a un viejo amigo a quien no se ha contactado desde hace tiempo

Vietnamita

Gửi Vi,

Gửi bố / mẹ,

Cháu chào chú Triều,

Lam thân mến,

Thương thân mến,

Tùng à,

Gửi bạn,

Anh / Em thân yêu,

Trúc thân yêu,

Cảm ơn bạn đã gửi E-mail cho mình.

Mình rất vui khi nhận được E-mail của bạn.

Mình xin lỗi vì lâu lắm rồi mình không viết thư cho bạn.

Olyan régóta nem beszéltünk.

Đã lâu lắm rồi chúng ta không liên lạc với nhau.

Se usa cuando se escribe a un viejo amigo a quien no se ha contactado desde hace tiempo

Email - Cuerpo

Húngaro

Azért írok, hogy elmondjam...

Se usa cuando tienes noticias importantes

Vietnamita

Mình viết thư này để báo với bạn rằng...

Van már programod...?

Bạn có rảnh vào...?

Se usa cuando quieres invitar a alguien a un evento o a una reunión

Nagyon köszönöm, hogy elküldted / meghívtál / csatoltad ...

Cảm ơn bạn đã gửi thư / lời mời / đồ / quà cho mình.

Se usa para agradecer a alguien / invitar a alguien / adjuntar información

Nagyon hálás vagyok, hogy elmondtad / felajánlottad / megírtad ...

Mình rất vui khi nhận được thư / lời mời / đồ / quà bạn gửi.

Se usa cuando se agradece sinceramente a alguien por decir algo / ofrecer algo / escribir en referencia a algo

Nagyon kedves volt tőled, hogy írtál / meghívtál / elküldted...

Mình rất vui khi nhận được thư / lời mời / đồ / quà bạn gửi.

Se usa cuando se aprecia sinceramente a alguien por escribirte / por invitarte a / por enviarte algo

Örömmel tudatom .../ Örömmel jelentem be, hogy ...

Mình xin vui mừng thông báo rằng...

Se usa cuando se anuncian buenas noticias a los amigos

Örömmel hallottam, hogy ...

Mình rất vui khi được biết...

Se usa cuando se transmite un mensaje o una noticia

Sajnálattam kell értesítenem téged, hogy...

Mình rất tiếc phải báo rằng...

Se usa cuando se anuncian malas noticias a un amigo

Sajnálattal hallottam, hogy...

Mình rất tiếc khi hay tin...

Se usa para consolar a un amigo cuando ha recibido malas noticias

Nagyon örülnék, ha megnéznéd az új honlapomat a ...

Bạn hãy xem website mới... của mình nhé.

Se usa cuando se quiere que un amigo vea tu nueva página web

Kérlek adj hozzá / jelölj be ... A felhasználónevem

Hãy add mình qua... Tên tài khoản của mình trên đó là...

...

Se usa cuando se quiere que un amigo te agregue a un servicio de mensajería instantánea para poder comunicarse más a menudo

Email - Conclusión

Húngaro

Add át üdvözetemet ... és mondd meg neki, hogy nagyon hiányzik /hiányoznak.

Se usa cuando quieres decirle a alguien que lo extrañas a través del destinatario del email

Vietnamita

Nhờ bạn chuyển lời tới... hộ mình là mình rất yêu và nhớ mọi người.

... üdvözetét küldi.

Se usa cuando otra persona envía saludos en un email

... gửi lời chào cho bạn.

Add át üdvözetemet

Se usa cuando se quiere saludar a otra persona a través del destinatario

Cho mình gửi lời chào tới...

Várom válaszodat.

Se usa cuando se desea recibir una respuesta

Mình rất mong sớm nhận được hồi âm của bạn.

Írj vissza hamar.

Directo, se usa cuando se desea recibir una respuesta

Hãy hồi âm cho mình sớm nhé.

Írj, ha ...

Se usa cuando quieres que el destinatario solo responda cuando tenga noticias de algo

Hãy hồi âm cho mình khi...

Írj, amint többet tudsz.

Se usa cuando quieres que el destinatario solo responda cuando tenga noticias de algo

Khi nào biết thêm tin gì mới thì hãy báo cho mình nhé.

Vigyázz magadra.

Informal, se usa al escribirles a familiares o amigos

Bạn / bố / mẹ giữ gìn sức khỏe nhé.

Szeretlek.

Se usa al escribirle a la pareja

Em yêu anh / Anh yêu em.

Legjobbakat!

Informal, se usa al escribirles a familiares o amigos

Thân ái,

Personal Email

Kívánom a legjobbakat!

Informal, se usa al escribirles a familiares o amigos

Thân,

Üdvözlettel,

Informal, se usa al escribirles a familiares o amigos

Thân thương,

Legjobbakat!

Informal, se usa al escribirles a familiares o amigos

Thân mến,

Szeretettel,

Informal, se usa al escribirles a familiares o amigos

Thân mến,

Szeretettel,

Informal, se usa al escribirles a familiares

Thân thương,

Sok puszi, / Szeretettel,

Informal, se usa al escribirles a familiares

Thân thương,